

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

ビンフック省の人民委員会

TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

投資、商売及び観光の推進センター

CHÍNH SÁCH VÀ DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

ビンフック省の地域での投資呼び
掛けるプロジェクトの方針及びリスト



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN
THONG TAN出版社



CHÍNH SÁCH

KHUYẾN KHÍCH VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

A. ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT ĐAI

I. MIỄN TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC

1. Các dự án được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê:

a) Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
b) Dự án sử dụng đất xây dựng nhà ở cho công nhân của các khu công nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư không được tính chi phí về tiền thuê đất vào giá cho thuê nhà;

c) Đất thực hiện dự án trồng rừng phòng hộ;

d) Dự án sử dụng đất xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp khoa học và công nghệ nếu đáp ứng được các điều kiện liên quan (nếu có) bao gồm: Đất xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ương tạo công nghệ và ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm;

e) Dự án của Hợp tác xã nông nghiệp sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở hợp tác xã, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

f) Đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định của pháp luật về vận tải giao thông đường bộ;

g) Đất xây dựng công trình cấp nước bao gồm: Công trình khai thác, xử lý nước, đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước và các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị);

h) Đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Miễn tiền thuê đất có thời hạn:

a) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản:

- Nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước.

- Trường hợp người thuê đất sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thời gian xây dựng cơ bản vườn cây được miễn tiền thuê đất áp dụng đối với từng loại cây thực hiện theo quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lâu năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

- Việc miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản được thực hiện theo dự án gắn với việc Nhà nước cho thuê đất mới, chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất, không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh và tái canh vườn cây trên diện tích đất đang được nhà nước cho thuê.

b) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian xây dựng cơ bản:

- Miễn ba (3) năm: Dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư; đối với cơ sở sản xuất kinh doanh mới của tổ chức kinh tế thực hiện di dời theo quy hoạch, di dời do ô nhiễm môi trường;

- Miễn bảy (7) năm: Dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

- Miễn mười một (11) năm: Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

- Miễn mười lăm (15) năm: Dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

- Dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 đang được hưởng ưu đãi miễn tiền sử dụng đất khi chuyển sang hình thức thuê đất thì tiếp tục được miễn nộp tiền thuê đất cho thời gian sử dụng đất còn lại.

c) Những nội dung ưu đãi quy định tại điểm a, b nêu trên không áp dụng với dự án khai thác tài nguyên khoáng sản.

II. GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC

♦ Giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước trong các trường hợp sau:

1. Hợp tác xã thuê đất để sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh được giảm 50% tiền thuê đất.
2. Thuê đất, thuê mặt nước để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà bị thiên tai, hỏa hoạn làm thiệt hại dưới 40 % sản lượng được xét giảm tiền thuê đất tương ứng với tỷ lệ % thiệt hại; thiệt hại từ 40% sản lượng trở lên thì được xem xét miễn tiền thuê đối với năm bị thiệt hại.
3. Thuê đất, thuê mặt nước để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh mà không phải là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản hoặc không thuộc khu kinh tế, khu công nghệ cao khi bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất khả kháng thì được giảm 50% tiền thuê đất, mặt nước trong thời gian ngừng sản xuất kinh doanh.

III. MIỄN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Doanh nghiệp, Hợp tác xã tự bỏ vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích được giao để thực hiện dự án, chủ đầu tư không được tính chi phí về đất vào giá cho thuê, thuê mua, bán nhà.

IV. MIỄN, GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU

(theo Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ):

Nhà đầu tư trong Khu kinh tế nếu được nhà nước giao đất, được miễn, giảm tiền sử dụng đất như sau:

1. Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư.
2. Giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.
3. Giảm 30% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư không thuộc quy định tại Mục 1 và Mục 2 nêu trên.

V. ƯU ĐÃI VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

♦ Thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao;

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật công nghệ cao; đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước; cầu, đường bộ và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định; sản xuất sản phẩm phần mềm (thuộc danh mục sản phẩm phần mềm đáp ứng quy trình về xuất sản phẩm phần mềm theo quy định của pháp luật); sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học;

c) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, bao gồm: Sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc phân tích môi trường; xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải;

d) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ;

e) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất (trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản) đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6 (sáu) nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu theo quy định của pháp luật về đầu tư và có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10 (mười) nghìn tỷ đồng/năm chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu;

- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6 (sáu) nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ thời điểm được Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu theo quy định của pháp luật về đầu tư và sử dụng thường xuyên trên 3.000 lao động chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu;

f) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và dự án khai thác khoáng sản, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 12.000 (mười hai nghìn) tỷ đồng, sử dụng công nghệ phải được thẩm định theo quy định của Luật Công nghệ cao, Luật Khoa học và công nghệ, thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký không quá 5 (năm) năm kể từ ngày được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

g) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao;
- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: Dệt - may; da - giày; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (EU) hoặc tương đương;

Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được ưu đãi thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ,

2. Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với:

- a) Phần thu nhập của doanh nghiệp thực hiện xã hội hóa;
- b) Phần thu nhập từ hoạt động xuất bản của Nhà xuất bản theo quy định của Luật xuất bản;
- c) Phần thu nhập từ hoạt động báo in (kể cả quảng cáo trên báo in) của cơ quan báo chí theo quy định của Luật báo chí;

- d) Phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại Điều 53 Luật nhà ở;

Nhà ở xã hội quy định tại Khoản này là nhà ở do Nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và đáp ứng các tiêu chí về nhà ở, về giá bán nhà, về giá cho thuê, về giá cho thuê mua, về đối tượng, điều kiện được mua, được thuê, được thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở và việc xác định thu nhập được áp dụng thuế suất 10% quy định tại Khoản này không phụ thuộc vào thời điểm ký hợp đồng bán, cho thuê hoặc cho thuê mua nhà ở xã hội;

- e) Thu nhập của doanh nghiệp từ: Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm, bao gồm cả đầu tư để trực tiếp bảo quản hoặc đầu tư để cho thuê bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm;

- f) Phần thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trừ thu nhập của hợp tác xã quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

3. Thuế suất ưu đãi 15% áp dụng đối với:

Thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Thuế suất 20% trong thời gian 15 năm áp dụng đối với:

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;
- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới: Sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông, lâm, ngư; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 áp dụng thuế suất 17%.

5. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi:

Được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án đầu tư mới; đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao.

VI. MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ

1. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với:

- Thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
- Doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

2. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

3. Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với:

- Thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới: Sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông, lâm, ngư; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống;

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp.

4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế:

- Được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ thời điểm được công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Trường hợp, trong kỳ tính thuế đầu tiên mà dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế dưới 12 (mười hai) tháng, doanh nghiệp được lựa chọn hưởng miễn thuế, giảm thuế đối với dự án đầu tư mới ngay kỳ tính thuế đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế từ kỳ tính thuế tiếp theo.

5. Ưu đãi cho dự án đầu tư mở rộng:

Thực hiện theo mục 4, Phụ lục V; Ưu đãi về thuế thu nhập Doanh nghiệp tại Nghị Quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước.

B. NGÀNH, NGHỀ ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I. CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

II. NÔNG NGHIỆP

III. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG

IV. VĂN HÓA, XÃ HỘI, THỂ THAO, Y TẾ

(Thực hiện theo Nghị Quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017, Kỳ họp thứ tư, Khóa IX của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước)

C. NGÀNH, NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐIỆN TỬ, CƠ KHÍ, SẢN XUẤT VẬT LIỆU, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

II. NÔNG NGHIỆP

III. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG

IV. GIÁO DỤC, VĂN HÓA, XÃ HỘI, THỂ THAO, Y TẾ

V. NGÀNH, NGHỀ KHÁC

(Thực hiện theo Nghị Quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017, Kỳ họp thứ tư, Khóa IX của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước)

VI. DANH MỤC ĐỊA BÀN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm các huyện: Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Phú Riềng.

b) Địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn bao gồm các huyện - thị xã: Phước Long, Bình Long, Hớn Quản, Chơn Thành, Đồng Phú và các Khu công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ.

VII. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐẦU TƯ

Thực hiện theo Phụ lục VII, Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017, về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC GIAI ĐOẠN 2019 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên chương trình - Dự án	Mục tiêu dự án	Hình thức đầu tư	Quy mô dự án	Vốn đầu tư	Địa điểm	Điều kiện thuận lợi của dự án đầu tư	Đối tác liên hệ
I DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP, CÁC DỰ ÁN TRONG KHU CÔNG NGHIỆP								
1	Dự án đầu tư các khu công nghiệp, khu kinh tế	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chức năng trong Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư để thu hút đầu tư	Liên doanh hoặc 100% vốn trong và ngoài nước	Tùy thuộc vào quy mô dự án	Tùy thuộc vào quy mô dự án	Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước; Minh Hưng - Sikico; Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư và các khu công nghiệp khác	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng; nhà đầu tư được hưởng mức ưu đãi cao nhất của tỉnh.	Ban Quản lý Khu kinh tế
2	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở công nhân, trường mầm non phục vụ các khu công nghiệp	Xây dựng nhà ở công nhân, trường mầm non phục vụ cho công nhân các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Đầu tư trong nước	Tùy thuộc vào quy mô dự án	Tùy thuộc vào quy mô dự án	Cạnh các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng; nhà đầu tư được hưởng mức ưu đãi cao nhất của tỉnh	Sở Xây dựng
II DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁC CỤM NGÀNH								
II.1 PHÁT TRIỂN CỤM NGÀNH ĐIỀU								
3	Cụm công nghiệp Phú Nghĩa 2	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp	Trong nước	50 ha	200 tỷ đồng	Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	Chính sách về Cụm công nghiệp	Sở Công Thương
4	Nhà máy sản xuất dầu từ vỏ hạt điều tinh lọc xuất khẩu	Đầu tư vỏ cứng, vỏ lụa, phụ phẩm từ hạt điều: 20.000 tấn/năm	FDI, Trong nước	10 ha	50 triệu USD	H. Bù Đăng	Chính sách về Nông nghiệp công nghệ cao (CNC); Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; và các chính sách khác có liên quan	Sở Công Thương
5	Nhà máy sản xuất Snack hạt điều nhân và các loại hạt khác	Chế biến hạt điều nhân và các loại hạt khác ăn liền: 2.000 tấn/năm	FDI, Trong nước	10 ha	20 triệu USD	H. Bù Đăng	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương
6	Nhà máy sản xuất Snack hạt điều nhân và các loại hạt khác	Chế biến hạt điều nhân và các loại hạt khác ăn liền: 2.000 tấn/năm	FDI, Trong nước	10 ha	20 triệu USD	H. Bù Gia Mập	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương

STT	Tên chương trình - Dự án	Mục tiêu dự án	Hình thức đầu tư	Quy mô dự án	Vốn đầu tư	Địa điểm	Điều kiện thuận lợi của dự án đầu tư	Đối tác liên hệ
II.2 PHÁT TRIỂN CỤM NGÀNH CHẾ BIẾN TRÁI CÂY								
7	Cụm công nghiệp Đức Liễu 1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp	Trong nước	50 ha	200 tỷ đồng	H. Bù Đăng	Chính sách về Cụm công nghiệp	Sở Công Thương
8	Nhà máy chế biến bột: sấu riêng, trái cây, hạt xuất khẩu	Bột sấu riêng xuất khẩu: 500 tấn/năm	FDI, Trong nước	15 ha	20 triệu USD	H. Bù Đăng	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương
9	Nhà máy cấp đông sấu riêng, bơ, bơ xuất khẩu	Cấp đông sấu riêng, bơ: 5.000 tấn/năm	FDI	10 ha	20 triệu USD	H. Bù Đăng	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương
10	Nhà máy sản xuất nước chanh dây, trái cây khác đóng lon	Nước chanh dây đóng lon: 2 tấn/giờ - 4.800 tấn/năm	FDI	15 ha	20 triệu USD	H. Bù Đăng	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương
II.3 PHÁT TRIỂN CÔNG ĐOẠN DỆT VÀ HOÀN TẤT VẢI CỤM NGÀNH DỆT MAY - DA GIẤY								
11	Nhà máy dệt và hoàn tất vải	02 dự án (Có thể nhuộm/in vải công nghệ cao hiện hành)	FDI	50 ha	700 triệu USD	KCN Tân Khai 2	Nghị quyết 31, 14 năm 2017 của HĐND tỉnh	Sở Công Thương
II.4 PHÁT TRIỂN CỤM NGÀNH SẢN XUẤT MÁY NÔNG NGHIỆP								
12	Nhà máy sản xuất thiết bị điện - điện tử	01 dự án (Phục vụ nông nghiệp CNC xuất khẩu)	FDI, Trong nước	25 ha	150 tỷ đồng	KCN Tân Khai 2	Nghị quyết 31, 14 năm 2017 của HĐND tỉnh	Sở Công Thương
13	Nhà máy lắp ráp thiết bị điện - điện tử	02 dự án (Phục vụ nông nghiệp CNC xuất khẩu)	FDI, trong nước	25 ha	150 tỷ đồng	KCN Tân Khai 2	Nghị quyết 31, 14 năm 2017 của HĐND tỉnh	Sở Công Thương
14	Nhà máy sản xuất khuôn, đúc	01 dự án (phục vụ nông nghiệp CNC xuất khẩu)	FDI	25 ha	350 tỷ đồng	KCN Tân Khai 2	Nghị quyết 31, 14 năm 2017 của HĐND tỉnh	Sở Công Thương
15	Nhà máy sản xuất thiết bị, phụ tùng	02 dự án (Phục vụ nông nghiệp CNC xuất khẩu)	FDI	25 ha	350 tỷ đồng	KCN Tân Khai 2	Nghị quyết 31, 14 năm 2017 của HĐND tỉnh	Sở Công Thương
16	Nhà máy sản xuất lớp xe chuyên dụng	Phục vụ nông nghiệp CNC xuất khẩu	FDI	50 ha	1.000 tỷ đồng	KCN Sikico	Nghị quyết 31, 14 năm 2017 của HĐND tỉnh	Sở Công Thương
17	Cụm công nghiệp Lê Vi - Tân Khai	Đầu tư xây dựng & kinh doanh hạ tầng CCN	Trong nước	20 ha	200 tỷ đồng	Xã Tân Khai	Chính sách về CCN	Sở Công Thương

STT	Tên chương trình - Dự án	Mục tiêu dự án	Hình thức đầu tư	Quy mô dự án	Vốn đầu tư	Địa điểm	Điều kiện thuận lợi của dự án đầu tư	Đối tác liên hệ
II.5 PHÁT TRIỂN CỤM NGÀNH DỊCH VỤ HỖ TRỢ XUẤT KHẨU NÔNG SẢN								
18	Nhà máy chiếu xạ trái cây, hạt	Phục vụ chế biến, xuất khẩu nông sản trong tỉnh và Vùng (Tây Nguyên, Campuchia, Bình Phước về Tp. HCM) vào thị trường chính Úc, Mỹ	FDI	50 ha	700 tỷ đồng	H. Bù Đăng hoặc H. Đồng Phú	Chính sách về Nông nghiệp CNC và Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương
19	Nhà máy tiệt trùng UHT trái cây	Phục vụ chế biến, xuất khẩu nông sản trong tỉnh và Vùng (Tây Nguyên, Campuchia, Bình Phước về Tp. HCM) vào thị trường chính Úc, Mỹ	FDI	50 ha	1.000 tỷ đồng	H. Bù Đăng hoặc H. Đồng Phú	Chính sách về Nông nghiệp CNC và Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương
20	Nhà máy cấp đông trái cây	Phục vụ chế biến, xuất khẩu nông sản trong tỉnh và Vùng (Tây Nguyên, Campuchia, Bình Phước về Tp. HCM) cho sản phẩm chính Sầu riêng, Bơ...	FDI, Trong nước	50 ha	500 tỷ đồng	H. Bù Đăng hoặc H. Phước Long	Chính sách về Nông nghiệp CNC và Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương
21	Dự án chợ đầu mối nông sản	Phục vụ quảng bá, giao thương nông sản, hàng hóa của Tỉnh tiến tới xây dựng mối liên kết nội bộ Vùng	PPP	7 ha	200 tỷ đồng	Xã Tiến Hưng, TP. Đồng Xoài	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; Nghị quyết số 37, 31, 14 năm 2017 của HĐND tỉnh; và các chính sách khác có liên quan	Sở Công Thương
III DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, DÂN CƯ								
22	Dự án đầu tư xây dựng chợ Tân Lập	Xã hội hóa - Xây dựng, quản lý, kinh doanh phát triển chợ	Đầu tư trong nước	10.767 m ²	20 tỷ đồng	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Công Thương
23	Dự án đầu tư xây dựng khu liên hợp - Trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn	Xây dựng - kinh doanh khu Trung tâm thương mại, khách sạn nhà hàng	Đầu tư trong nước	2.700 m ²	40 tỷ đồng	Phường Phú Đức, thị xã Bình Long	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; có quỹ đất sạch để triển khai dự án; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Kế hoạch và Đầu tư - UBND thị xã Bình Long

STT	Tên chương trình - Dự án	Mục tiêu dự án	Hình thức đầu tư	Quy mô dự án	Vốn đầu tư	Địa điểm	Điều kiện thuận lợi của dự án đầu tư	Đối tác liên hệ
24	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp chợ Đồng Xoài	Cải tạo, xây dựng lại hệ thống chợ hiện hữu, phục vụ nhu cầu kinh doanh, buôn bán của các hộ tiểu thương	PPP	Cải tạo, xây dựng lại hệ thống chợ Đồng Xoài hiện hữu	200 tỷ đồng	Phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Công Thương, UBND thành phố Đồng Xoài
25	Xây dựng chợ phường Tân Xuân	Xã hội hóa - Xây dựng, quản lý, kinh doanh phát triển chợ	PPP	03 ha	50 tỷ đồng	Phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Công Thương, UBND thành phố Đồng Xoài
26	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Phước Long	Xây dựng Trung tâm thương mại, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, dịch vụ, xứng tầm với sự phát triển của thị xã	PPP	1,13 ha	150 tỷ đồng	Phường Thác Mơ, thị xã Phước Long	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thị xã Phước Long
27	Dự án đầu tư xây dựng chợ Phước Tín	Xã hội hóa - Xây dựng, quản lý, kinh doanh phát triển chợ	PPP	0,5	20 tỷ đồng	Xã Phước Tín, thị xã Phước Long	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Công Thương, UBND thị xã Phước Long
28	Dự án đầu tư nâng cấp chợ xã Đa Kía	Xã hội hóa - Xây dựng, quản lý, kinh doanh phát triển chợ	Đầu tư trong nước	0,4 ha	10 tỷ đồng	Xã Đa Kía, huyện Bù Gia Mập	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Công Thương, UBND huyện Bù Gia Mập
29	Dự án đầu tư xây dựng chợ xã Phú Văn	Xã hội hóa - Xây dựng, quản lý, kinh doanh phát triển chợ	Đầu tư trong nước	1,63 ha	20 tỷ đồng	Xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Công Thương, UBND huyện Bù Gia Mập
30	Dự án đầu tư xây dựng chợ xã Phú Nghĩa	Xã hội hóa - Xây dựng, quản lý, kinh doanh phát triển chợ	Đầu tư trong nước	2 ha	25 tỷ đồng	Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Công Thương, UBND huyện Bù Gia Mập
31	Dự án đầu tư xây dựng chợ xã Phước Minh	Xã hội hóa - Xây dựng, quản lý, kinh doanh phát triển chợ	Đầu tư trong nước	2 ha	25 tỷ đồng	Xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Công Thương, UBND huyện Bù Gia Mập
32	Dự án đầu tư siêu thị hàng tổng hợp	Xây dựng, kinh doanh hệ thống siêu thị, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân trên địa bàn thị xã Bình Long, huyện Lộc Ninh và Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Đầu tư trong nước	4 ha	300 tỷ	Thị xã Bình Long, huyện Lộc Ninh, Bù Đăng	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư lựa chọn địa điểm; chính sách ưu đãi đầu tư cao	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương

STT	Tên chương trình - Dự án	Mục tiêu dự án	Hình thức đầu tư	Quy mô dự án	Vốn đầu tư	Địa điểm	Điều kiện thuận lợi của dự án đầu tư	Đối tác liên hệ
IV DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP, CHẾ BIẾN								
33	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sản phẩm từ cao su (đã qua sơ chế)	Sản xuất, chế biến các sản phẩm từ cao su	Liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài hoặc vốn trong nước	Tùy thuộc vào quy mô dự án	Tùy thuộc vào quy mô dự án	Trên địa bàn tỉnh	Nhà đầu tư tự đề xuất địa điểm; nguồn nguyên liệu phong phú tại địa phương; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế
34	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, chế tạo linh kiện điện tử công nghệ mới	Sản xuất, chế tạo linh kiện điện tử công nghệ mới	Liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài hoặc vốn trong nước	Tùy thuộc vào quy mô dự án	Tùy thuộc vào quy mô dự án	Các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Ban Quản lý Khu kinh tế
35	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	Sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	Liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài hoặc vốn trong nước	Tùy thuộc vào quy mô dự án	Tùy thuộc vào quy mô dự án	Các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Ban Quản lý Khu kinh tế
36	Dự án sản xuất sản phẩm may xuất khẩu (ưu tiên công nghệ mới: công nghệ dệt may, in vải...)	Sản xuất quần/áo	Liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài hoặc vốn trong nước	10 triệu SP/năm	1.000 tỷ đồng	H. Bù Đăng/H. Lộc Ninh/các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế
37	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất hóa chất, khu chứa hóa chất tập trung phục vụ các khu, cụm công nghiệp	Sản xuất hóa chất	Liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài hoặc vốn trong nước	50 ha	500 tỷ đồng	TX. Bình Long/H. Lộc Ninh (Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư)	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế
38	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ gia dụng, đồ nội/ngoại thất xuất khẩu	Sản xuất đồ gỗ	Liên doanh	3 triệu SP/năm	200 triệu USD	H. Đồng Phú/H. Chơn Thành/TX. Bình Long	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế
39	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nguyên, phụ liệu cho ngành dệt may	Công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may	100% vốn nước ngoài/liên doanh	2 triệu SP/năm	100 triệu USD	H. Đồng Phú/H. Bù Đăng/H. Bình Long	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế
40	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nguyên, phụ liệu cho ngành da giấy	Công nghiệp hỗ trợ ngành da giấy	100% vốn nước ngoài/liên doanh	4 triệu SP/năm	150 triệu USD	H. Đồng Phú/H. Bù Đăng/H. Bình Long	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế

STT	Tên chương trình - Dự án	Mục tiêu dự án	Hình thức đầu tư	Quy mô dự án	Vốn đầu tư	Địa điểm	Điều kiện thuận lợi của dự án đầu tư	Đối tác liên hệ
41	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy tinh chế dầu vỏ hạt điều ra sản phẩm cuối cùng	Công nghiệp hóa dầu	100% vốn nước ngoài	1.000 tấn/năm	300 triệu USD	H. Đồng Phú/ TX. Phước Long/H. Bù Đăng	Chính sách ưu đãi đầu tư cao	Sở Kế hoạch và Đầu tư
42	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất vỏ/lốp cao su cho xe/phương tiện phục vụ nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng	Sản xuất vỏ/ lốp cao su	100% vốn nước ngoài/ liên doanh	0,5 triệu SP/năm	300 triệu USD	H. Đồng Phú/H. Chơn Thành/TX. Bình Long	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế
V	DỰ ÁN ĐẦU TƯ HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ RÁC THẢI							
43	Dự án đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	Cung cấp nước sạch sinh hoạt phục vụ hộ gia đình nông thôn	Đối tác công tư (PPP) hoặc 100% vốn doanh nghiệp	Tùy thuộc vào quy mô dự án	20 tỷ đồng/xã	Xã Long Tân - Xã Bù Nho - Xã Long Bình, huyện Bù Gia Mập	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Xây dựng, UBND huyện Bù Gia Mập
44	Dự án đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn trung TTHC huyện Phú Riềng và khu vực lân cận	Xử lý chất thải rắn	Liên doanh hoặc 100% vốn trong và ngoài nước.	20 ha	50 tỷ đồng	Xã Long Tân, huyện Phú Riềng	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư lựa chọn địa điểm; chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Xây dựng, UBND huyện Phú Riềng
45	Dự án đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn tập trung khu vực Chơn Thành, Hớn Quản; Bình Long; Lộc Ninh	Xử lý chất thải rắn	Liên doanh hoặc 100% vốn trong và ngoài nước.	30 ha	75 tỷ đồng	Dọc quốc lộ 13 từ Chơn Thành đi Lộc Ninh	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư lựa chọn địa điểm; chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Xây dựng, UBND huyện Phú Riềng
46	Dự án đầu tư nhà máy cấp nước khu vực (Bù Nho - Phú Riềng và Trung tâm hành chính huyện)	Phục vụ cho nhân dân xã Bù Nho, Phú Riềng và trung tâm hành chính huyện	PPP	Tùy thuộc vào quy mô dự án	200 tỷ đồng	Thôn Tân Hòa, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư lựa chọn địa điểm; chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Xây dựng, UBND huyện Phú Riềng
47	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước khu vực Long Phước, Phước Bình, Phước Tín	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân trên địa bàn thị xã	Đối tác công tư (PPP) hoặc 100% đầu tư trong nước	Nhà máy cấp nước công suất 4.000 - 6.000 m ³ /ngày đêm	100 tỷ đồng	Phường Phước Bình, phường Long Phước, xã Phước Tín, thị xã Phước Long	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư lựa chọn địa điểm; chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Xây dựng, UBND thị xã Phước Long
48	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thị xã Phước Long	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải, góp phần bảo vệ môi trường	Đầu tư trong nước	10 ha	25 tỷ đồng	Xã Long Giang, thị xã Phước Long	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư lựa chọn địa điểm; chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Xây dựng, UBND thị xã Phước Long

STT	Tên chương trình - Dự án	Mục tiêu dự án	Hình thức đầu tư	Quy mô dự án	Vốn đầu tư	Địa điểm	Điều kiện thuận lợi của dự án đầu tư	Đối tác liên hệ
VI								
NGÀNH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH								
49	Dự án đầu tư xây dựng nhà dịch vụ và khu nghỉ dưỡng vui chơi giải trí thuộc khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng sóc Bom Bo	Phục vụ nhu cầu khách du lịch tham quan khu bảo tồn	Liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư trong và ngoài nước.	1. Nhà dịch vụ: Quy mô khoảng 2.600 m ² 2. Khu nghỉ dưỡng, khu thể thao vui chơi giải trí diện tích xây dựng khoảng 2.500 m ²	30 tỷ đồng	Xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư
50	Khu A - Khu phim trường kết hợp du lịch sinh thái thuộc khu Trảng cỏ Bù Lạch	Phục vụ nhu cầu khách du lịch tham quan, du lịch sinh thái	Liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư trong và ngoài nước.	347 ha	500 tỷ đồng	Xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư
51	Dự án đầu tư phát triển du lịch khu vực hồ Đaktol	Xây dựng khu vui chơi giải trí phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân trong khu vực thị xã Phước Long và vùng lân cận	Liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư trong và ngoài nước.	10 ha	50 tỷ đồng	Phường Phước Bình, thị xã Phước Long	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND thị xã Phước Long
52	Dự án đầu tư xây dựng công viên hồ Long Thủy	Xây dựng khu vui chơi giải trí phục vụ nhu cầu của người dân thị xã Phước Long và vùng lân cận.	Đối tác công tư (PPP) hoặc 100% vốn doanh nghiệp trong nước.	6 ha	50 tỷ đồng	Phường Long Thủy, thị xã Phước Long	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch UBND thị xã Phước Long
VII								
DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC Y TẾ								
53	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bệnh viện khu vực	Xây dựng bệnh viện khu vực chất lượng cao phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân thị xã và các huyện, tỉnh lân cận.	Vốn đầu tư trong và ngoài nước	0,5 ha	200 tỷ đồng	Phường Phước Bình, thị xã Phước Long	Nhà nước hỗ trợ nhà đầu tư lựa chọn địa điểm; chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế
54	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất tân dược và nguyên liệu thuốc kháng sinh	Xây dựng nhà máy sản xuất tân dược và nguyên liệu thuốc kháng sinh phục vụ trong nước và xuất khẩu.	Liên doanh hoặc 100% vốn trong và ngoài nước.	10 ha	10-20 triệu USD	Các huyện trong tỉnh	Chính sách ưu đãi đầu tư cao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế

投資の奨励と優遇の方針

A. 土地についての優遇

I. 土地賃貸料・水面賃貸料の免除

1. 賃貸期間全体にわたって土地賃貸料・水面賃貸料の免除されるプロジェクト

- a) 非常に困難な社会経済領域で投資される特別な投資優遇の分野に属する投資プロジェクト
- b) 所管官庁により承認されたプロジェクトに基づく工業団地の労働者のために住宅建設地を使用するプロジェクトは、投資家が土地賃貸料を家賃料に計算することはできません。
- c) 保護林を植えるプロジェクト実施のための土地
- d) 関連する条件（ある場合）を満たす場合、科学及び工芸企業の科学研究施設の建設土地（研究所建設用地、工芸の育成と科学及び工芸企業の育成施設建設用地、実験施設建設用地、試験生産施設建設用地を含む）を使用するプロジェクト
- e) 農業協同組合は、協同組合事務所と乾燥場と倉庫や、農業、林業、水産養殖の生産に直接役立つサービス施設等を建設するための地面として土地を使用するプロジェクト
- f) 道路交通輸送に関する法律の規定に従って公共旅客輸送の運営に奉仕する為に、メンテナンスステーション、修理ステーション、駐車場（発券エリア、運用管理エリア、公共奉仕エリアを含む）を建設する土地
- g) 水とパイプの開拓及び処理の工事、給水水道管網における工事、給水システムの管理及び運用の支援工事（行政建物、管理室、運用室、工場、設備と部品の倉庫）を含む給水工事建設用土地
- h) 所管官庁により承認された計画による工業団地と工業クラスターで共通的に使用されるインフラ結構建設用土地

2. 一定期間に土地賃貸料の免除：

- a) 基本建設期間に土地賃貸料・水面賃貸料の免除：
 - 投資家は、所管官庁により承認されたプロジェクトによる基本建設期間に土地賃貸料・水面賃貸料を免除されますが、土地賃貸・水面賃貸の決定日から最大3年間です。
 - 土地賃貸人が所管官庁により承認されたプロジェクトによる農業生産（多年生植林）のために土地を使用する場合、基本建設期間に、庭は、農業と農村開発省によって規定されている多年生林の植樹と世話の技術手順に従って、各タイプの樹木に適用される土地賃貸料を免除されるものとします。
 - 基本建設期間に土地賃貸料・水面賃貸料の免除は、国家が新しい土地を賃貸し、土地利用税のない土地譲渡から土地賃貸に変更し、事業、生産施設の建設、改修、拡張への投資及び国家により賃貸されている土地の面積に庭園をもう一度植える場合は除くことに関連するプロジェクトの下で実施される。
- b) 基本建設期間の後に土地賃貸料・水面賃貸料の免除：
 - ・3年間免除：投資優遇分野に属するプロジェクトで、計画に基づいて移転、又は環境汚染による移転を実施する経済組織の新しい生産及び事業の企業には3年間免除される。
 - ・7年間免除：社会経済的条件が厳しい地理的地域への投資プロジェクト
 - ・11年間免除：社会経済的条件が非常に厳しい地理的地域への投資プロジェクト、特別な投資優遇分野のリストに属する投資プロジェクト、社会経済的条件が厳しい地理的地域への投資される投資優遇分野のリストに属するプロジェクト
 - ・15年間免除：社会経済的条件が非常に厳しい地理的地域への投資される投資優遇分野のリストに

属するプロジェクト、社会経済的条件が厳しい地理的地域への投資される特別な投資優遇分野のリストに属するプロジェクト、

・国家によって土地が割り当てられて、2014年7月1日より前に土地使用料を徴収されたプロジェクトは、土地使用料である優遇を享受している、土地賃貸形式に変更しても、残りの土地利用期間に土地賃貸料の支払いが続いて免除されます。

c) 上記のa)およびb)で規定された内容は、鉱物資源開拓プロジェクトには適用されません。

II. 土地賃貸料・水面賃貸料の削減

土地賃貸料・水面賃貸料は以下の場合通り削減される。

1. 土地を生産及び事業の地面として賃貸する協同組合は、土地賃貸料の50%を削減される。

2. 農業、林業、水産養殖の生産する為に土地賃貸・水面賃貸をしています、生産量の40%未満の損害を引き起こす災害と火災になる場合、被害率に応じた土地賃貸料の削減を検討される。生産量の40%以上の損害は、損害した年の土地賃貸料免除と見なされます。

3. 農業と林業を生産しない、水産を養殖しない、又は経済圏、ハイテクエリアに属しない生産及び事業する為に土地賃貸・水面賃貸は、災害、火災、不可抗力事故になる場合、生産・事業停止時に土地賃貸料・水面賃貸料の50%を削減される。

III. 土地使用料の免除：

社会住宅建設に自ら投資する企業や協同組合は、プロジェクトの実施のために割り当てられた面積に対しての土地使用料を免除されます。投資家は賃貸価格、家賃売税に土地の経費を計算することはできません。

IV. 国境経済圏に対しての土地使用料の免除と削減：

(政府の首相の2013年11月26日付の決定No. 72/2013/QĐ-TTgに基づく)

国家によって土地を割り当てられた経済圏への投資した投資家は、以下通り免除され、削減される。

1. 特別な投資優遇のプロジェクトには、土地使用料を免除する。

2. 投資優遇分野に属するプロジェクトには、国家予算に支払う土地使用料の50%を削減する。

3. 上記の1. 及び2. での規定に属しない投資プロジェクトには、国家予算に支払う土地使用料の30%を削減する。

V. 法人所得税についての優遇：

◆ 法人所得税の優遇税率：

1. 15年間に10%の優遇税率が以下に適用されます。

a) 社会経済的条件が非常に厳しい地理的地域、経済圏、ハイテクパークでの新しい投資プロジェクトの実施からの企業の収入、

b) 科学研究と工芸開発、ハイテク法の規定に基づく発展投資に優先されるハイテクのリストに属するハイテクアプリケーション、給水工場、発電工場、給水と排水システム、橋、道路、政府の首相が決定したその他の特に重要なインフラ工事の投資及び発展し、ソフトウェア製品（法律の規定に従ってソフトウェア製品の生産手順に満たすソフトウェア製品のリストに属する）を製造し、複合材料、軽量建材、希少材料を製造し、再生可能エネルギー、クリーンエネルギー、廃棄物処理からのエネルギーを生産し、バイオテクノロジー開発の分野に属する新しい投資プロジェクトの実施からの企業の収入です。

c) 環境汚染処理装置と環境測定装置の生産、汚染処理と環境保護、廃水や排ガスや固形廃棄物などの回収と処理、廃棄物のリサイクルと再利用を含む環境保護の分野に属する新しい投資プロジェクトの実施からの企業の収入です。

d) ハイテク企業、ハイテク応用農業の企業、科学及び工芸の企業、

e) 次のいずれかの基準を満たす（特別消費税の対象となる商品の生産プロジェクト、鉱物開拓プロジェクトを除く）生産の分野に属する新しい投資プロジェクトの実施からの企業の収入です。

－ 投資法に基づいて最初の投資登録証明書が付与された日から3年以内に支払われる、6兆ドン/年の最小投資資本の規模を持ち、売上高がある年から最遅3年後、総売上高が最低10兆ドン/年であるプロジェクト。

－ 投資法に基づいて最初の投資登録証明書が付与された日から3年以内に支払われる、6兆ドン/年の最小投資資本の規模を持ち、売上高がある年から最遅3年後、いつも3,000人以上の従業員を使用するプロジェクト。

f) 投資法の規定に基づく投資許可の日付から5年以内に登録された総投資資本を支払し、テクノロジーの使用はハイテクノロジーに関する法律、科学技術に関する法律に従って評価する必要があり、12兆ドン/年の最小投資資本の規模を持ち、（特別消費税の対象となる商品の生産プロジェクト、鉱物開拓プロジェクトを除く）生産の分野に属する新しい投資プロジェクトの実施からの企業の収入です。

g) 以下の基準を満たす発展優先支援工業製品のリストに属する製品を生産する新しい投資プロジェクトの実施からの企業の収入です。

－ ハイテク法の規定に基づくハイテクの支援工業製品

－ 繊維産業、履物産業、情報電子産業、自動車の製造及び組立、製造機器の製品の生産を支援する工業製品、それらの製品は2015年1月1日までに国内で生産されていないし、又は製造されたが、欧州連合（EU）の技術仕様又は同等のものを満たしている必要があります。

支援工業製品のリストは、発展が優先され、税制優遇を享受され、政府の規定に基づく実施されます。

2. 運用期間中の10%の優遇税率は、以下に適用されます。

a) 社会化を実施している企業の収入分、

b) 出版法に基づく出版社の出版活動からの収入分、

c) 新聞法の規定に基づく新聞機関の新聞活動（新聞に掲載された広告を含む）からの収入分、

d) 住宅法の第53条に規定された対象に対しての販売又は賃貸する為に社会住宅の事業と投資のプロジェクトの実施による企業の収入

この条項で指定されている社会住宅は、国家またはすべての経済成分に属する組織および個人により投資され、建設され、販売価格、賃貸価格、購入賃貸価格、買える対象と条件、法律の規定に基づく賃貸できる対象と条件などの住宅の基準を満たし、この条項で規定している10%の税率が適用される所得の決定には、社会住宅の販売、賃貸、購入賃貸の契約締結時点に付属しません。

e) 森林の植栽、手入れ、保護からの企業の収入、社会経済的条件が困難な地域での農業および水産物の栽培、畜産、飼育、加工からの収入、植物および動物品種の生産、繁殖、交雑し、直接保管への投資、または農業や漁業や食品などの保管と賃貸への投資を含む。収穫後に農産物の保管、農業、水産、食品の保管への投資、

f) 政府の2013年12月26日の政令No. 218/2013/NĐ-CPの第4条の第1項に規定されている協同組合の所得を除く困難な社会経済的地域や非常に困難な社会経済的地域ではなく、農業や林業で活動している協同組合の収入、

3. 15%の優遇税率が以下に適用されます。

社会経済状況が困難な地域に属していない地域、または社会経済状況が非常に困難な地域で農業および漁業の分野に属する栽培、畜産、加工に従事する企業の収入

4. 15年間の20%の税率が以下に適用されます。

- 困難な社会経済的条件のある地理的領域での新しい投資プロジェクトの実施による企業の収入、
- 伝統産業の発展、家禽および水生動物用の飼料の生産と精製、灌漑設備の製造、農業、林業、漁業生産のための機械および装置の製造、絶省エネ製品の生産、高級鋼の製造などの新しい投資プロジェクトの実施による企業の収入、

2016年1月1日より、17%の税率が適用されます。

5. 優遇税率の適用時期：

企業が新しい投資プロジェクトから収益を得ていた初年度から継続的に計算されます。ハイテク企業、ハイテク応用農業企業の場合は、ハイテク企業およびハイテク応用農業企業として認められた日から数えられます。ハイテク応用プロジェクトの場合、ハイテク応用プロジェクトの証明書が付与された日付から数えます。

VI. 税金の免除と削減

1. 4年間の免税、および次の9年間の未払税額の50%の削減が以下に適用されます。

- 非常に困難な社会経済条件、経済圏、ハイテクエリアのある地理的領域で新しい投資プロジェクトを実行する企業の収入。
- 社会化の分野で新しく設立された企業は、社会経済的条件が困難または非常に困難な地理的地域で実施されるものとします。

2. 社会経済条件が困難または非常に困難な地域のリストに付属しない地域で実施された社会化の分野で新しく設立された企業の場合、4年間の免税、および次の5年間の未払税額の50%を削減する。

3. 2年間の免税および次の4年間の支払税額の50%の削減が以下に適用されます。

- 社会経済条件が困難な地域に属していない地域、または社会経済条件が非常に困難な地域で農業および漁業における栽培、畜産、加工に従事する企業の新しい投資プロジェクトの実施による収入、
- 社会経済条件が困難な地域で新しい投資プロジェクトの実施による企業の収入、
- 伝統産業の発展、家禽および水生動物用の飼料の生産と精製、灌漑設備の製造、農業、林業、漁業生産のための機械および装置の製造、絶省エネ製品の生産、高級な鋼の製造などの新しい投資プロジェクトの実施による企業の収入、
- 工業団地で新しい投資プロジェクトの実施による企業の収入、

4. 税金の免除と削減の期間：

- 税制優遇措置の対象となる新しい投資プロジェクトからの課税所得がある初年度から継続的に計算され、新しい投資プロジェクトの売上高がある初年度から数えて、最初の3年間に課税所得がない場合は、免税と減税の時期が4年目から計算されます。

ハイテク企業やハイテク応用農業企業の免税や減免の時間は、ハイテク企業やハイテク応用農業企業として認められた時から数えます。

- 最初の課税期間に、12か月未満の免税又は減免の対象となる生産および事業活動の期間がある企業の新しい投資プロジェクトの場合、企業は、その課税期間内に新しい投資プロジェクトの免税または減免を受けることができ、または次の税期間からの免税または減税の開始時間を税務署に登録する

5. 拡張投資プロジェクトに対しての優遇：

付録Vの項目4（ビンフック省人民委員会の2017年7月19日付けの決議No. 31/2017/NQ-HDNDにおける法人所得税についての優遇）に従って実施します。

B. 特別な投資優遇の職業

I. ハイテクノロジー、情報テクノロジー、支援工業

II. 農業

III. 環境保護、インフラ構築の建設

IV. 文化、社会、スポーツ、医療

(ビンフック省の人民評議会の4回目、セッションIXの2017年7月19日付けの決議No. 31/2017/NQ-HDNDとビンフック省の地域での投資の奨励と優遇の方針の修正についての決議No. 14/2018/NQ-HDNDとビンフック省の地域での投資の奨励と優遇の方針の補充についての決議No. 31/2017/NQ-HDNDに基づいて、実施します。)

C. 投資優遇の職業

I. 科学工芸、電子、機器、材料生産、情報工芸

II. 農業

III. 環境保護、インフラ構築の建設

IV. 教育、文化、社会、スポーツ、医療

V. 他の職業

(ビンフック省の人民評議会の4回目、セッションIXの2017年7月19日付けの決議No. 31/2017/NQ-HDNDとビンフック省の地域での投資の奨励と優遇の方針の修正についての決議No. 14/2018/NQ-HDNDとビンフック省の地域での投資の奨励と優遇の方針の補充についての決議No. 31/2017/NQ-HDNDに基づいて、実施します。)

VI. 投資優遇地域のリスト

a) LOC NINH郡、BU DANG郡、BU DOP郡、BU GIA MAP郡、PHU RIENG郡を含む社会経済条件が非常に困難な地域です。

b) PHUOC LONG、BINH LONG、HON QUAN、CHON THANH、DONG PHUという郡・町と政府の規定に従って設立される工業団地を含む社会経済条件が困難な地域です。

VII. 投資についての行政手続きの解決手順

ビンフック省の地域での投資の奨励と優遇の方針についての2017年7月19日付けの決議No. 31/2017/NQ-HDNDの付録VIIに基づいて実施します。

2019年から2025年までの段階に国内及び外国の投資 を呼び掛けるプロジェクトのリスト

(ビンフック省人民委員会の2019年12月02日付の報告書No. 314/BC-UBNDに添付)

順	プログラム・プロジェクト名	プロジェクトの目標	投資形式	プロジェクト規模	投資資本	場所	投資プロジェクトの有利な条件	パートナーの連絡先
I 工業団地のインフラ投資プロジェクト、工業団地内のプロジェクト								
1	工業団地と経済圏への投資プロジェクト	投資を誘致する為に工業団地のインフラ構築とHOA LU国境経済圏に機能地域を建設する。	合併又は100%の外国及び国内資本	プロジェクト規模による	プロジェクト規模による	Beca-mex-Binh Phuoc 工業団地、Minh Hung -Si-kico工業団地、HOA LU国境経済圏、他の工業団地	有利なインフラ条件、オープンな投資方針、投資家は省で最高の優遇レベルを享受しています。	経済圏の管理委員会
2	工業団地整備のための労働者住宅と幼稚園の建設に関する投資プロジェクト	省内の工業団地労働者にサービスを提供するための労働者住宅と幼稚園を建設する。	国内投資	プロジェクト規模による	プロジェクト規模による	省の工業地帯の隣	有利なインフラ条件、オープンな投資方針、投資家は省で最高の優遇レベルを享受しています	建設局
II 産業クラスターの投資及び開発のプロジェクト								
II.1 カシュー産業クラスターの開発								
3	PHU NGHIA 2 工業クラスター	工業クラスターのインフラの建設及び事業への投資	国内	50ヘクタール	2,000億ドン	BU GIA MAP郡、- PHU NGHIA 社	工業クラスターに関する方針	工商局
4	輸出用に精製されたカシューナッツの殻から油を生産する工場	カシューナッツのハードシェル、シェル、副産物から油：2万トン/ 年	FDI、国内	10ヘクタール	5,000万米ドル	BU DANG郡	ハイクテク農業についての方針（CNC）、議定No. 57/2018/ND-CP、他の関連方針	工商局
5	カシューナッツスナックと他のナッツを生産する工場	カシューナッツスナックと他のナッツの加工能：2,000トン/ 年	FDI、国内	10ヘクタール	2,000万米ドル	BU DANG郡	議定No. 57/2018/ND-CP	工商局
6	カシューナッツスナックと他のナッツを生産する工場	カシューナッツスナックと他のナッツの加工能：2,000トン/ 年	FDI、国内	10ヘクタール	2,000万米ドル	BU GIA MAP郡、	議定No. 57/2018/ND-CP、	工商局
II.2 フルーツ加工業界クラスターの開発								
7	DUC LIEU 1 工業クラスター	工業クラスターのインフラの建設及び事業への投資	国内	50ヘクタール	2,000億ドン	BU DANG郡	工業クラスターに関する方針	工商局
8	ドリアンパウダー、フルーツパウダー、輸出種子の加工工場	輸出ドリアンパウダー：500トン/ 年	FDI、国内	15ヘクタール	2,000万米ドル	BU DANG郡	議定No. 57/2018/ND-CP、	工商局

順	プログラム・プロジェクト名	プロジェクトの目標	投資形式	プロジェクト規模	投資資本	場所	投資プロジェクトの有利な条件	パートナーの連絡先
9	ドリアン、アボカドの冷凍及び輸出工場、	ドリアン、アボカドの冷凍： 5.000トン/年	FDI	10ヘクタール	2,000万米ドル	BU DANG郡、	議定 No. 57/2018/ NB-CP、	工商局
10	缶詰のパッションフルーツジュースと他のジュースの生産工場	缶詰のパッションフルーツジュース： 2トン/時、 4,800トン/年	FDI	15ヘクタール	2,000万米ドル	BU DANG郡	議定 No. 57/2018/ NB-CP、	工商局
II.3 繊維・衣服産業クラスターで布の繊維工程と仕上工程の開発								
11	布の繊維と仕上の工場	02プロジェクト（現在のハイテク布を染色/印刷できます）	FDI	15ヘクタール	7億米ドル	TAN KHAI 2 工業団地	2017年の省の人民会議の決議No. 14と決議No. 31、	工商局
II.4 農業機械製造業クラスターの発展								
12	電気・電子の設備生産工場	01プロジェクト（輸出CNC農業に奉仕）	FDI、国内	25ヘクタール	1500億ドン	TAN KHAI 2 工業団地	2017年の省の人民会議の決議No. 14と決議No. 31	工商局
13	電気・電子の設備組立工場	02プロジェクト（輸出CNC農業に奉仕）	FDI、国内	25ヘクタール	1500億ドン	TAN KHAI 2 工業団地	2017年の省の人民会議の決議No. 14と決議No. 31、	工商局
14	金型および鋳造工場	01プロジェクト（輸出CNC農業に奉仕）	FDI	25ヘクタール	3500億ドン	TAN KHAI 2 工業団地	2017年の省の人民会議の決議No. 14と決議No. 31、	工商局
15	設備及び部品の生産工場	02プロジェクト（輸出CNC農業に奉仕）	FDI	25ヘクタール	3500億ドン	TAN KHAI 2 工業団地	2017年の省の人民会議の決議No. 14と決議No. 31、	工商局
16	専用タイヤの生産工場	輸出CNC農業に奉仕	FDI	50ヘクタール	1兆ドン	Sikico工業団地	2017年の省の人民会議の決議No. 14と決議No. 31、	工商局
17	LE VI・TAN KHAI工業クラスター	工業クラスターのインフラの建設及び事業への投資	国内	20ヘクタール	2000億ドン	TAN KHAI 社	工業クラスターに関する方針	工商局
II.5 農業輸出支援サービスの産業クラスターの発展								
18	果物と種子の照射工場	省内と各地域（中央高地、カンボジア、ビンフオック、ホーチミン市）からの農産をアメリカとオーストラリアの主要な市場への加工、輸出の奉仕	FDI	50ヘクタール	7000億ドン	BU DANG郡又はDONG PHU郡	CNC農業についての方針及び議定No. 57/2018/NB-CP	工商局
19	フルーツのUHT殺菌工場	省内と各地域（中央高地、カンボジア、ビンフオック、ホーチミン市）からの農産をアメリカとオーストラリアの主要な市場への加工、輸出の奉仕	FDI	50ヘクタール	1兆ドン	BU DANG郡又はDONG PHU郡	CNC農業についての方針及び議定No. 57/2018/NB-CP	工商局

順	プログラム・プロジェクト名	プロジェクトの目標	投資形式	プロジェクト規模	投資資本	場所	投資プロジェクトの有利な条件	パートナーの連絡先
20	フルーツの冷凍工場	省内と各地域（中央高地、カンボジア、ビンフック、ホーチミン市）からの農産（ドリアン、アボカドなどの加工と輸出の奉仕	FDI、国内	50ヘクタール	5000億ドン	BU DANG郡 又は PHUOC LONG郡	CNC農業についての方針及び議定No. 57/2018/NĐ-CP、	工商局
21	農産物卸売市場プロジェクト	省の農産物や商品の宣伝と貿易に奉仕し、地域内部連携の構築に向ける	PPP	7ヘクタール	2000億ドン	DONG XOAI町、 TIEN HUNG社	議定No. 57/2018/NĐ-CP、2017年の省の人民会議の決議No. 14と決議No. 31、関係がある他の方針	工商局
III 市場、商業センター、住宅地の建設投資プロジェクト								
22	TAN LAP市場の建設投資プロジェクト	社会化・市場の建設、管理、事業、開発	国内での投資	1万767平方メートル	200億ドン	DONG PHU郡、 TAN LAP社	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	工商局
23	複合施設・商売センター、レストラン、ホテルの建設投資プロジェクト	商売センター、レストラン、ホテルの建設及び事業	国内での投資	2,700平方メートル	400億ドン	BINH LONG町、 PHU DUC村	インフラ条件が有利で、プロジェクト実施のためのクリーンな土地基金があり、投資方針がオープンです。	計画 投資局・BINH LONG町の人民委員会
24	DONG XOAI 市場の改修及びアップグレードの投資プロジェクト	小業者のビジネス及び取引ニーズに対応する為に既存の市場システムを改修及び再構築する。	PPP	DONG XOAIの既存市場システムを改修及び再構築する	2000億ドン	DONG XOAI市、 TAN BINH村	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	工商局・DONG XOAI市の人民委員会
25	TAN XUAN村の市場の建設	社会化・市場の建設、管理、事業、開発	PPP	03ヘクタール	500億ドン	DONG XOAI市、 TAN XUAN村	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	工商局・DONG XOAI市の人民委員会
26	PHUOC LONG 商売センターの建設投資プロジェクト	PHUOC LONG町の発展に見合うビジネスとサービスのニーズを満たす為に貿易センターを建設する。	PPP	1.13ヘクタール	1500億ドン	PHUOC LONG町 THAC MO村	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	計画 投資局・PHUOC LONG町の人民委員会
27	PHUOC TIN市場の建設投資プロジェクト	社会化・市場の建設、管理、事業、開発	PPP	0.5ヘクタール	200億ドン	PHUOC LONG町 PHUOC TIN社	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	工商局・PHUOC LONG町の人民委員会
28	DAKIA社の市場のアップグレードの投資プロジェクト	社会化・市場の建設、管理、事業、開発	国内での投資	0.4ヘクタール	100億ドン	BU GIA MAP郡、 DAKIA社	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	工商局・BU GIA MAP郡の人民委員会
29	PHU VAN社の市場の建設投資プロジェクト	社会化・市場の建設、管理、事業、開発	国内での投資	1.63ヘクタール	200億ドン	BU GIA MAP郡、 PHU VAN社	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	工商局・BU GIA MAP郡の人民委員会
30	PHU NGHIA社の市場の建設投資プロジェクト	社会化・市場の建設、管理、事業、開発	国内での投資	2ヘクタール	250億ドン	BU GIA MAP郡、 PHU NGHIA社	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	工商局・BU GIA MAP郡の人民委員会

順	プログラム・プロジェクト名	プロジェクトの目標	投資形式	プロジェクト規模	投資資本	場所	投資プロジェクトの有利な条件	パートナーの連絡先
31	PHUOC MINH社の市場の建設投資プロジェクト	社会化・市場の建設、管理、事業、開発	国内での投資	2ヘクタール	250億ドン	BU GIA MAP郡、PHUOC MINH社	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	工商局・BU GIA MAP郡の人民委員会
32	雑貨スーパーの投資プロジェクト	ピンフオック省のBINH LONG町とLOC NINH郡とBU DANG郡の人民のショッピングニーズを満たすスーパーシステムの建設及び事業	国内での投資	4ヘクタール	3000億ドン	BINH LONG町とLOC NINH郡とBU DANG郡	国家は投資家が場所を選択し、高投資優遇方針を支援する	計画 投資局と工商局
IV 工業及び加工の分野への投資プロジェクト								
33	ゴム製品（前処理済）の製造工場の建設投資プロジェクト	ゴムからの製品の製造・加工	合併又は100%の外国投資資本又は国内資本	プロジェクト規模による	プロジェクト規模による	省の地域で、	投資家が自ら地方での場所と豊富な材料源を提案し、投資方針がオープンです。	計画 投資局、経済圏の管理委員会
34	新工芸の電子部品の生産及び製造の工場の建設投資プロジェクト	新工芸の電子部品の生産および製造	合併又は100%の外国投資資本又は国内資本	プロジェクト規模による	プロジェクト規模による	省の地域での工業団地と経済圏	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	経済圏の管理委員会
35	サポート工業製品の生産工場の建設投資プロジェクト	政府の首相の2011年8月26日付の決定No. 1483/QĐ-TTgによる支援工業製品の生産	合併又は100%の外国投資資本又は国内資本	プロジェクト規模による	プロジェクト規模による	省の地域での工業団地と経済圏	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	経済圏の管理委員会
36	輸出用衣類の製造プロジェクト（繊維工芸、布印刷工芸などの新しい工芸を優先する...）	洋服の製造	合併又は100%の外国投資資本又は国内資本	1000万製品 / 年	1兆ドン	BU DANG郡・LOC NINH郡・省の地域での工業団地	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	計画 投資局、経済圏の管理委員会
37	化学生産工場、工業団地と工業クラスターにサービスを提供する集中化学貯蔵エリアの建設の投資プロジェクト	化学生産	合併又は100%の外国投資資本又は国内資本	50ヘクタール	5000億ドン	BINH LONG町・LOC NINH (HOA LU国境経済圏)	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	計画 投資局、経済圏の管理委員会
38	家庭用木製品、輸出用内外装製品の生産の工場の建設投資プロジェクト	木製品の生産	合併	300万製品 / 年	2億米ドル	DONG PHU郡CHON THANH郡BINH LONG町	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	計画 投資局、経済圏の管理委員会
39	繊維産業の原材料・副資材の生産工場の建設の投資プロジェクト	繊維産業の支援工業	100%の外国投資資本又は合併	200万製品 / 年	1億米ドル	DONG PHU郡BU DANG郡BINH LONG郡	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	計画 投資局、経済圏の管理委員会

順	プログラム・プロジェクト名	プロジェクトの目標	投資形式	プロジェクト規模	投資資本	場所	投資プロジェクトの有利な条件	パートナーの連絡先
40	革靴産業の原材料・副資材の生産工場の建設投資プロジェクト	革靴産業の支援工業	100%の外国投資資本又は合弁	400万製品 / 年	1億5,000万米ドル	DONG PHU郡 BU DANG郡 BINH LONG郡	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	計画 投資局、経済圏の管理委員会
41	カシューナッツ殻油を最終製品に精製工場の建設の投資プロジェクト	石油化学産業	100%の外国投資資本	千トン/年	3億米ドル	DONG PHU郡 PHUOC LONG町 BU DANG郡	高投資の優遇方針	計画 投資局、
42	農業、工業、建設に貢献する車と車両用のゴムのカバー/タイヤを生産する工場の建設投資プロジェクト	ゴムのカバー/タイヤを生産する	100%の外国投資資本又は合弁	50万製品 / 年	3億米ドル	DONG PHU郡 CHON THANH郡 BINH LONG町	インフラ条件が有利で、投資方針がオープンです。	計画 投資局、経済圏の管理委員会
V	排水供給及び廃棄物処理のシステムへの投資プロジェクト							
43	集中農村の清浄水供給工事への投資プロジェクト	農村世帯に奉仕する為に清浄水を提供する。	企業パートナー（PPP）または100%の企業資本	プロジェクト規模による	200億ドン/ 社	LONG TAN社・ BU NHO社・ BU GIA MAP郡の LONG BINH社	国家は、投資家に賠償と地上高の手續と高投資優遇方針を支援する。	建設局、BU GIA MAP郡の人民委員会
44	PHU RIENG郡の行政センターと周辺地域で集中固形廃棄物処理工場の建設投資プロジェクト	固形廃棄物処理	合弁又は100%の外国投資資本又は国内資本	20ヘクタール	500億ドン	PHU RIENG郡の LONG TAN社	国家は、投資家に場所を選択する事と高投資優遇方針を支援する。	建設局、PHU RIENG郡の人民委員会
45	CHON THANH郡、HON QUAN郡、BINH LONG郡、LOC NINH郡で集中固形廃棄物処理工場の建設投資プロジェクト	固形廃棄物処理	合弁又は100%の外国投資資本又は国内資本	30ヘクタール	750億ドン	CHON THANHからLOC NINHまでの国路No. 13に沿う。	国家は、投資家に場所を選択する事と高投資優遇方針を支援する。	建設局、PHU RIENG郡の人民委員会
46	(PHU RIENG郡のBU NHO社と行政センター) 地域給水工場の建設投資プロジェクト	PHU RIENG郡のBU NHO社と行政センターの人民に奉仕する。	PPP	プロジェクト規模による	2000億ドン	PHU RIENG郡のBU NHO社の TAN HOA村	国家は、投資家に場所を選択する事と高投資優遇方針を支援する。	建設局、PHU RIENG郡の人民委員会

順	プログラム・プロジェクト名	プロジェクトの目標	投資形式	プロジェクト規模	投資資本	場所	投資プロジェクトの有利な条件	パートナーの連絡先
47	LONG PHUOC村、PHUOC BINH村PHUOC TIN社の地域給水工場の建設投資プロジェクト	PHUOC LONG町の人民の清浄水の使用需要を満たす為に給水システムを建設する投資	企業パートナー（PPP）または100%の国内投資	4,000-6,000 m3/日の能力を持つ給水工場	1000億ドン	PHUOC LONG町 PHUOC BINH村 LONG PHUOC村 PHUOC TIN社	国家は、投資家に場所を選択する事と高投資優遇方針を支援する。	建設局、PHUOC LONG町の人民委員会
48	PHUOC LONG町の廃棄物処理工場の建設の投資プロジェクト	環境保護を貢献する為に廃棄物処理工場の建設の投資	国内での投資	10ヘクタール	250億ドン	PHUOC LONG町 LONG GIANG社	国家は、投資家に場所を選択する事と高投資優遇方針を支援する。	建設局、PHUOC LONG町の人民委員会
VI	商売・サービス・観光の産業							
49	ボンボーのステイエン民族文化保護区に属するサービスハウス及びレクリエーションリゾートの建設の投資プロジェクト	保護区を訪れる観光客のニーズを奉仕する。	合併又は100%の外国投資資本又は国内資本	1. サービスハウス：規模が約2,600m2 2. リゾート、スターテイメントエリアは建設面積が約2,500m ²	300億ドン	ビンフォック省 BU DANG郡 BINH MINH社	国家は、投資家に賠償と地上高の手續と高投資優遇方針を支援する。	文化・スポーツ・観光局、計画 投資局
50	AエリアとはTRANG CO BU LACHエリアに属するエコツーリズムと組み合わせた映画スタジオの地域です	エコツーリズム地域を訪れる観光客のニーズを奉仕する。	合併又は100%の外国投資資本又は国内資本	347ヘクタール	5000億ドン	BU DANG郡 DONG NAI社	国家は、投資家に賠償と地上高の手續と高投資優遇方針を支援する。	文化・スポーツ・観光局、計画 投資局
51	ダクトル湖地域の観光開発投資プロジェクト	PHUOC LONG町と近所地域人民のレクリエーションのニーズを奉仕する為にレクリエーションリゾートを建設する。	合併又は100%の外国投資資本又は国内資本	10ヘクタール	500億ドン	PHUOC LONG町 PHUOC BINH村	国家は、投資家に賠償と地上高の手續と高投資優遇方針を支援する。	文化・スポーツ・観光局、PHUOC LONG町の人民委員会
52	LONG THUY湖公園の建設投資プロジェクト	PHUOC LONG町と近所地域人民のニーズを奉仕する為にレクリエーションリゾートを建設する。	企業パートナー（PPP）または100%の国内企業資本	6ヘクタール	500億ドン	PHUOC LONG町 LONG THUY村	国家は、投資家に賠償と地上高の手續と高投資優遇方針を支援する。	文化・スポーツ・観光局、PHUOC LONG町の人民委員会
VII	医療の分野への投資プロジェクト							
53	健康ケアのサービスセンターと地域病院を建設するための投資プロジェクト	PHUOC LONG町と近所地域人民の健康診断と治療のニーズを奉仕する為に高品質の地域病院を建設する	国内外の投資資本	0.5ヘクタール	2000億ドン	PHUOC LONG町 PHUOC BINH村	国家は、投資家に場所を選択する事と高投資優遇方針を支援する。	計画 投資局、保健局
54	新薬と抗生薬の原料を生産する工場の建設へ投資プロジェクト	国内と輸出に奉仕する為に新薬と抗生薬の原料を生産する工場の建設	合併又は100%の外国投資資本又は国内資本	10ヘクタール	1,000万～2,000万米ドル	ビンフォック省の各郡で、	高投資優遇方針	計画 投資局、保健局

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐẦU TƯ

投資連絡先の住所

1. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

📍 Đường 6 tháng 1, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài
☎ 0271 3879 481
📠 0271 3879 481
🌐 www.binhphuoc.gov.vn

2. TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

📍 Quốc lộ 14, KP. Phú Cường, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài
☎ 0271 3818 662
📠 0271 3818 667
🌐 www.binhphuocittpc.gov.vn

3. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

📍 626 QL 14, TP. Đồng Xoài
☎ 0271 6254 888
📠 0271 3887 088
🌐 www.skhdtdinhphuoc.gov.vn

4. BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

📍 680 QL14, Tân Phú, TP. Đồng Xoài
☎ 0271 3886 201
🌐 www.eza-binhphuoc.gov.vn

5. SỞ CÔNG THƯƠNG

📍 626 QL 14, TP. Đồng Xoài
☎ 0271 3860 696
📠 0271 3887 088
🌐 www.socongthuongbp.gov.vn

6. SỞ XÂY DỰNG

📍 676 Quốc lộ 14, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài
☎ 0271 3879 950
📠 0271 3881 019
🌐 www.sxd.binhphuoc.gov.vn

7. SỞ Y TẾ

📍 Quốc lộ 14, P. Tiến Thành, TP. Đồng Xoài
☎ 0271 3889 096
📠 0271 3889 383
🌐 www.syt.binhphuoc.gov.vn

8. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

📍 QL14, TP. Đồng Xoài
☎ 0271 3879 296
📠 0271 3887 355
🌐 www.sogiaothongvantaibp.gov.vn

1. ビンフック省の人民委員会

📍 DONG XOAI市、TAN PHU村、1月6日道
☎ 0271 3879 481
📠 0271 3879 481
🌐 www.binhphuoc.gov.vn

2. 投資、商売および観光の促進センター

📍 DONG XOAI 市、TAN PHU村、PHU CUONG近所、国路No. 14
☎ 0271 3818 662
📠 0271 3818 667
🌐 www.binhphuocittpc.gov.vn

3. 計画投資局

📍 DONG XOAI 市、TAN PHU村、国路No. 14、ビルNo. 626
☎ 0271 6254 888
📠 0271 3887 088
🌐 www.skhdtdinhphuoc.gov.vn

4. 経済圏管理委員会

📍 DONG XOAI 市、TAN PHU村、国路No. 14、ビルNo. 680
☎ 0271 3886 201
🌐 www.eza-binhphuoc.gov.vn

5. 工商局

📍 DONG XOAI 市、国路No. 14、ビルNo. 626
☎ 0271 3860 696
📠 0271 3887 088
🌐 www.socongthuongbp.gov.vn

6. 建設局

📍 DONG XOAI 市、TAN PHU村、国路No. 14、ビルNo. 676
☎ 0271 3879 950
📠 0271 3881 019
🌐 www.sxd.binhphuoc.gov.vn

7. 保健局

📍 DONG XOAI 市、TIEN THANH村、国路No. 14
☎ 0271 3889 096
📠 0271 3889 383
🌐 www.syt.binhphuoc.gov.vn

8. 交通局

📍 DONG XOAI 市、国路No. 14
☎ 0271 3879 296
📠 0271 3887 355
🌐 www.sogiaothongvantaibp.gov.vn

9. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

📍 Số 778, Quốc lộ 14, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài

☎ 0271 3883 160

☎ 0271 3883 160

🌐 www.vhttdlbinhphuoc.gov.vn

9. 文化・スポーツ・観光局

📍 DONG XOAI 市、TAN PHU村、国路No. 14、ビルNo. 778

☎ 0271 3883 160

☎ 0271 3883 160

🌐 www.vhttdlbinhphuoc.gov.vn

10. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

📍 Võ Văn Tần, P. Tân Bình, TP. Đồng Xoài

☎ 0271 3879.948

🌐 www.sonongnghiepbp.gov.vn

10. 農業と農村開発局

📍 DONG XOAI 市、TAN BINH村、VO VAN TAN道

☎ 0271 3879.948

🌐 www.sonongnghiepbp.gov.vn

11. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

📍 Đường Phú Riềng Đỏ, TP. Đồng Xoài

☎ 0271 3879 736

☎ 0271 3879 736

🌐 www.dongxoai.binhphuoc.gov.vn

11. DONG XOAI市の人民委員会

📍 DONG XOAI 市、PHU RIENG DO道

☎ 0271 3879 736

☎ 0271 3879 736

🌐 www.dongxoai.binhphuoc.gov.vn

12. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG

📍 Khu phố 5, P. Long Phước, thị xã Phước Long

☎ 0271 3778 343

☎ 0271 3778 750

🌐 www.phuoclong.binhphuoc.gov.vn

12. PHUOC LONG町の人民委員会

📍 PHUOC LONG町、LONG PHUOC村、チームNo. 5

☎ 0271 3778 343

☎ 0271 3778 750

🌐 www.phuoclong.binhphuoc.gov.vn

13. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG

📍 Lê Quý Đôn, P. Hưng Chiến, Thị xã Bình Long

☎ 0271 3666 320

🌐 www.binhlong.binhphuoc.gov.vn

13. BINH LONG町の人民委員会

📍 BINH LONG町、HUNG CHIEN村、LE QUY DON道

☎ 0271 3666 320

🌐 www.binhlong.binhphuoc.gov.vn

14. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP

📍 Phú Nghĩa, Huyện Bù Gia Mập

☎ 0271 3727 474

☎ 0271 3727 474

🌐 www.bugiamap.binhphuoc.gov.vn

14. BU GIA MAP郡の人民委員会

📍 BU GIA MAP郡、PHU NGHIA社

☎ 0271 3727 474

☎ 0271 3727 474

🌐 www.bugiamap.binhphuoc.gov.vn

15. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

📍 Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng

☎ 0271 3939 001

☎ 0271 3939 101

🌐 www.phurieng.binhphuoc.gov.vn

15. PHU RIENG郡の人民委員会

📍 PHU RIENG郡、PHU RIENG社

☎ 0271 3939 001

☎ 0271 3939 101

🌐 www.phurieng.binhphuoc.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản 出版責任者: Giám đốc - Nguyễn Thế Sơn 社長: Nguyen The Son

Chịu trách nhiệm nội dung 内容の責任者: Tổng biên tập - Lê Thị Thu Hương 編集長: Le Thi Thu Huong

Biên tập: Phương Lam Giang 編集員: Phuong Lam Giang



Tổ chức thực hiện thiết kế sản xuất: Công ty TNHH CLPT KTTD Kim Đông Dương

生産設計の実施を組織する: KIM DONG DUONG 包括的な経済開発戦略株式会社

Quyết định xuất bản số: 421/QĐ - NXB. Số ĐKXB: 4471-2019/CXBIPH/02-22/ThT. Do Nhà xuất bản Thông Tấn cấp ngày 04/12/2019

In: 500 bản, khổ (20x29)cm, tại Công ty TNHH TMDV In Phạm Nguyên. In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2019. Số ISBN: 978-604-953-100-2

出版決定No.: 421/QĐ - NXB. 出版登録番号: 4471-2019/CXBIPH/02-22/ThT. 報道機関出版社による2019年12月4日

印刷: 500. 部、サイズ: (20x29) cm PHAM NGUYEN印刷の商売・サービスの株式会社.

印刷および提出: 2019年の四半期. ISBN: 978-604-953-100-2



CHÍNH SÁCH VÀ DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

ビンフォック省の地域での投資呼び掛けるプロジェクト
の方針及びリスト

ISBN: 978-604-953-100-2



SÁCH KHÔNG BÁN